



TỈNH ỦY HUNG YÊN
VĂN PHÒNG

*

Số 2992- CV/VPTU

V/v tham mưu báo cáo kết quả công tác
Quản lý biên chế gđ 2022-2024; nhận xét,
đánh giá, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với
cán bộ lãnh đạo của LĐLĐ tỉnh và tham mưu
góp ý dự thảo Quy chế làm việc mẫu của ĐĐ,
BCS Đảng cấp tỉnh

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hưng Yên, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Thực hiện ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy trân trọng chuyển Ban Tổ chức Tỉnh ủy các văn bản:

1. Công văn số 6793-CV/BTCTW, ngày 24/7/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về việc báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế giai đoạn 2022-2024 (**hoàn thành trước ngày 09/8/2024**).

2. Công văn số 6802-CV/BTCTW, ngày 26/7/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về việc góp ý dự thảo Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh (**hoàn thành trước ngày 08/8/2024**).

3. Công văn số 33-CV/ĐĐ, ngày 24/7/2024 của Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh về việc xin ý kiến nhận xét, đánh giá và kết luận tiêu chuẩn chính trị.

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu các nội dung theo yêu cầu, bảo đảm tiến độ và chất lượng, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Văn phòng Tỉnh ủy trân trọng chuyển ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy để đơn vị thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy, (để b/c)
- Như trên,
- VPTU: CVP, PCVPTM, TK BTTU,
- Phòng TH, Đò
- Lưu VPTU.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Thái Văn Minh

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC**

*

Số 6793- CV/BTCTW

*V/v báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế
giai đoạn 2022 - 2024*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: - Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối
trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng
ở Trung ương,
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể
chính trị - xã hội ở Trung ương; Ban Bí thư Trung ương Đoàn
Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY	
ĐẾN	- Số: 500
	- Ngày: 26/7
	- Chuyển: 8/8/24

Thực hiện Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2024, Ban Tổ chức Trung ương được giao tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026.

Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị các đồng chí báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024, trong đó tập trung nêu rõ: Kết quả thực hiện việc giao, quản lý biên chế theo phạm vi, thẩm quyền quản lý; đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị theo Đề cương báo cáo gửi kèm theo.

Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị gửi về Ban Tổ chức Trung ương trước ngày 15/8/2024 để tổng hợp¹.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đ/c Trưởng Ban (để báo cáo),
- Các đ/c Phó Trưởng Ban,
- Lưu VP, Vụ TC-ĐL.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Dương

¹ Bản file mềm Báo cáo và các phụ lục gửi kèm theo đề nghị gửi về địa chỉ Lotus Notes: Vu To Chuc Dieu Le/BTCTW/DCS/VN@BTCTW.

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả công tác quản lý biên chế từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2024

(Gửi kèm Công văn số 6493/CTCV/BTCTW, ngày 24/7/2024 của Ban Tổ chức Trung ương)

I. VỀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

- Công tác tuyên truyền, quán triệt; xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để tổ chức triển khai các kết luận, quy định, quyết định¹ của Bộ Chính trị về quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 tại cơ quan, tổ chức, địa phương.

- Việc ban hành các văn bản: Quy định, hướng dẫn về quản lý, sử dụng biên chế; kế hoạch quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế; các quyết định giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026, hằng năm.

(Đề nghị báo cáo rõ: Số lượng, tên văn bản đã ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành).

2. Về kiểm tra, giám sát công tác giao, quản lý biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về giao, sử dụng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, địa phương²

1.1. Nêu rõ căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí và phương thức (cách) giao biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương

1.2. Giao biên chế giai đoạn 2022-2026

Kết quả giao biên chế giai đoạn 2022-2026 của cơ quan, tổ chức, địa phương, trong đó nêu rõ: Số biên chế công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giao giai đoạn 2022 - 2026 (đề nghị gửi kèm theo các văn bản giao biên chế của cơ quan, tổ chức, địa phương). Số lượng biên chế tăng/giảm so với số được cấp có thẩm quyền giao năm 2021 (đề nghị nêu rõ lý do).

¹ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quy định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 71-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026.

² Đối với các địa phương: Đề nghị nêu rõ số liệu tổng hợp chung của cả địa phương và số liệu theo từng khối gồm: khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền ở địa phương.

1.3. Giao, sử dụng biên chế hằng năm

a) Về biên chế công chức

- Kết quả giao biên chế công chức (trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao hằng năm) của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng biên chế tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số lượng công chức, số lượng lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ trong chỉ tiêu biên chế (nếu có) có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

- Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

b) Về biên chế viên chức

- Kết quả giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao hằng năm) của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng biên chế viên chức tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Kết quả giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, địa phương giao năm 2022, 2023 và năm 2024; số lượng tăng/giảm so với năm trước liền kề (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp công lập có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

- Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

c) Số biên chế giao của cơ quan, tổ chức, địa phương năm 2024 còn thiếu so với quy định hiện hành (*đề nghị nêu rõ quy định, số lượng cụ thể còn thiếu*) và số lượng biên chế còn thiếu đến hết năm 2026 (*tính theo lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026*).

1.4. Số công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giảm năm 2022, 2023, 2024 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2024) và dự kiến giảm năm 2025, 2026 (nếu có) của cơ quan, tổ chức, địa phương. Trong đó:

- Số công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định.

- Số công chức, viên chức giảm do thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Số người làm việc (viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

- Số công chức, viên chức thôi việc.
- Số giảm công chức, viên chức do lý do khác.

1.5. Việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương

- Kết quả tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức năm 2022, 2023, 2024 (*gửi kèm theo Kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận*) và dự kiến kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận năm 2025, 2026 (*nếu có*).

- Đối với khối Đảng, đoàn thể ở địa phương: Nêu rõ số chỉ tiêu biên chế được phép sử dụng năm 2021; việc triển khai và kết quả tuyển dụng, tiếp nhận năm 2021. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận từ ngày 01/7/2021 đến 31/12/2022 theo kết quả tuyển dụng, tiếp nhận năm 2021. Số chỉ tiêu biên chế tuyển dụng, tiếp nhận năm 2021 đã báo cáo hoặc chưa báo cáo, số chỉ tiêu đã được tính hoặc chưa tính vào số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2021 để giao biên chế giai đoạn 2022 - 2026 cho địa phương (*đề nghị gửi kèm theo toàn bộ văn bản tuyển dụng, tiếp nhận theo quy định, gồm: Kế hoạch, quyết định thành lập Hội đồng, quyết định tuyển dụng, tiếp nhận... và các văn bản liên quan khác*).

1.6. Việc giao, sử dụng công chức, viên chức chưa đúng với vị trí việc làm, vượt số biên chế cơ quan thẩm quyền giao (nếu có)

- Số lượng viên chức làm vị trí việc làm công chức tại các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số lượng viên chức làm vị trí việc làm công chức; công chức làm vị trí việc làm viên chức tại các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

- Số biên chế giao, sử dụng vượt so với số biên chế cơ quan thẩm quyền giao tại thời điểm 30/6/2024 (*nêu rõ nguyên nhân, lý do*).

2. Về quản lý, sử dụng số biên chế giáo viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước

2.1. Về giao biên chế giáo viên

Kết quả giao số biên chế giáo viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024 của địa phương, trong đó nêu rõ việc giao số giáo viên được cấp có thẩm quyền giao bổ sung cho năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024 (*kèm theo các nghị quyết, quyết định giao*).

2.2. Xác định nhu cầu biên chế giáo viên

Số lượng biên chế giáo viên thiếu, thừa so với định mức quy định ở địa phương; phương án và kết quả giải quyết số giáo viên thừa (*theo từng cấp học, năm học trong giai đoạn 2022 - 2024 và dự kiến đến hết năm 2026*).

2.3. Tuyển dụng giáo viên

- Số giáo viên đã tuyển dụng năm 2022, 2023 và năm 2024 (từ nguồn biên chế giáo viên bổ sung; và từ nguồn biên chế viên chức được Ban Tổ chức Trung ương giao) và dự kiến năm 2025, 2026 (Đề nghị gửi kèm theo: Kế hoạch tuyển dụng từng năm, Báo cáo kết quả tuyển dụng giáo viên từng năm).

- Tổng số giáo viên có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

- Tổng số giáo viên chưa sử dụng, trong đó nêu rõ số biên chế giáo viên được giao bổ sung mà chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024 (nêu rõ nguyên nhân, lý do).

3. Về hội quần chúng ở địa phương

3.1. Về số lượng tổ chức Hội quần chúng

Số lượng hội quần chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương (gửi kèm thống kê danh sách các Quyết định thành lập Hội quần chúng ở địa phương).

3.2. Về biên chế của Hội quần chúng

- Số lượng biên chế cụ thể giao cho các Hội quần chúng ở địa phương (kèm theo các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền của địa phương về việc giao biên chế của Hội quần chúng).

- Số biên chế của các hội quần chúng có mặt tại thời điểm 30/6/2024; trong đó nêu rõ số biên chế công chức, viên chức, người làm việc... có mặt.

4. Về cán bộ, công chức cấp xã

4.1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm 30/6/2021

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ của địa phương (tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại thời điểm 30/6/2021).

- Số cán bộ, công chức cấp xã có mặt tại thời điểm 30/6/2021.

4.2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại thời điểm 30/6/2024

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ của địa phương (tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã tại thời điểm 30/6/2024).

- Số cán bộ, công chức cấp xã có mặt tại thời điểm 30/6/2024.

4.3. Số biên chế cán bộ, công chức cấp xã tính theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và theo lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đến hết năm 2026 (tính theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã theo lộ trình sắp xếp). Trên cơ

sở đó, xác định số biên chế cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022 - 2026 (được cấp có thẩm quyền giao) đến hết năm 2026 còn thiếu.

5. Về biên chế công đoàn địa phương

5.1. Giao biên chế công đoàn

Số biên chế công đoàn do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy giao năm 2024 từ nguồn biên chế do Ban Tổ chức Trung ương giao; từ nguồn biên chế Bộ Chính trị tạm giao³. Số biên chế liên đoàn lao động cấp tỉnh đang sử dụng từ nguồn biên chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc từ nguồn khác giao (nếu có) năm 2024. *(Đề nghị gửi kèm theo các văn bản giao biên chế công đoàn của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc các cơ quan giao biên chế khác nếu có).*

5.2. Số biên chế công đoàn có mặt

Đề nghị báo cáo cụ thể số biên chế công đoàn có mặt tại thời điểm 30/6/2024, gồm: (1) Số công chức; (2) Số viên chức; (3) Số lượng hợp đồng lao động và (4) Số hợp đồng lao động khác trong chỉ tiêu biên chế được giao và ngoài chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

5.3. Số biên chế công đoàn chưa sử dụng

Đề nghị báo cáo rõ số biên chế công đoàn chưa sử dụng: (1) Từ nguồn biên chế của Ban Tổ chức Trung ương giao; (2) Từ nguồn biên chế Bộ Chính trị tạm giao và (3) Từ nguồn khác (nếu có). Nêu rõ nguyên nhân, lý do.

6. Các vấn đề khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi và nguyên nhân

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Một số kinh nghiệm

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với cơ quan được cấp có thẩm quyền giao quản lý biên chế

2. Với Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế

3. Với Bộ Chính trị

(Đề nghị nêu rõ cơ sở đề xuất, kiến nghị và gửi kèm toàn bộ bản sao các văn bản có liên quan để giải trình, chứng minh cho các lập luận, đề xuất, kiến nghị liên quan đến điều chỉnh, bổ sung biên chế)./.

³ Có 11 địa phương được tạm giao biên chế công đoàn tại Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị.

PHỤ LỤC 1A: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ BIÊN CHẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2024 (theo QĐ giao của địa phương)				Tăng, giảm so với số biên chế địa phương giao năm 2023				Biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2024				Biên chế chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024				Số biên chế còn thiếu so với quy định năm 2024		Số biên chế còn thiếu so với quy định đến hết năm 2026		
		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức		Tổng	Công chức	Viên chức	Số biên chế theo định mức, quy định (nếu rõ tên quy định)	Tổng	Công chức	Viên chức	Số biên chế theo định mức, quy định (nếu rõ tên quy định)	
				Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ NTSN			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ NTSN			Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ NTSN									
Tổng (I+II)																						
I	KHOI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																					
1	Cấp tỉnh																					
1.1	Cơ quan A																					
1.2	Cơ quan B																					
..	...																					
2	Cấp huyện																					
2.1	Huyện ủy A																					
2.2	Huyện ủy B																					
..	...																					
II	KHOI CQĐP																					
1	Cấp tỉnh																					
1.1	UBND																					
1.2	UBND																					
-	Số A																					
-	Số B																					
...	...																					
2	Cấp huyện																					
2.1	Huyện A																					
a)	UBND																					
b)	UBND																					
2.2	Huyện B																					
a)	UBND																					
b)	UBND																					
...	...																					

Lưu ý: Biên chế viên chức tổng hợp theo đầu mối cơ quan (đối với cấp tỉnh), địa phương (đối với cấp huyện) quản lý. Ví dụ: biên chế viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thì tổng hợp theo đầu mối Sở NN&PTNT; biên chế viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện quản lý thì tổng hợp theo đầu mối cấp huyện (trừ biên chế của trường THPT thì tổng hợp theo đầu mối Sở Giáo dục và Đào tạo, biên chế viên chức trung tâm y tế nên thuộc Sở Y tế thì tổng hợp theo đầu mối Sở Y tế).

**PHỤ LỤC 2: SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NSNN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC Ở TW VÀ ĐỊA PHƯƠNG
GIẢM TỪ 01/01/2022 ĐẾN 30/6/2024**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số biên chế giảm			LÝ DO													
		Tổng số	Công chức	Viên chức	Nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định			Thực hiện chính sách tinh giản biên chế			Thôi việc			Số viên chức chuyển từ hưởng lương NSNN sang NTSN	Lý do khác (nếu cụ thể)			
					Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức	Tổng	Công chức	Viên chức			Tổng	Công chức	Viên chức
I	CƠ QUAN Ở TW																	
1	Cơ quan hành chính /tham mưu, giúp việc																	
1.1	Cơ quan A																	
1.2	Cơ quan B																	
..	...																	
2	Đơn vị sự nghiệp																	
2.1	Đơn vị A																	
2.2	Đơn vị B																	
..																		
II	ĐỊA PHƯƠNG																	
1	Khối Đảng, đoàn thể																	
1.1	Cấp tỉnh																	
-	Cơ quan A																	
-	Cơ quan B																	
..	...																	
1.2	Cấp huyện																	
-	Huyện ủy A																	
-	Huyện ủy B																	
..	...																	
2	Khối CQĐP																	
2.1	Cấp tỉnh																	
a)	HĐND																	
b)	UBND																	
-	Sở A																	
-	Sở B																	
...	...																	
2.2	Cấp huyện																	
a)	Huyện A																	
-	HĐND																	
-	UBND																	
b)	Huyện B																	
-	HĐND																	
-	UBND																	
..	...																	

Lưu ý: Cơ quan, đơn vị ở Trung ương tổng hợp theo Mục I. Các địa phương tổng hợp theo Mục II

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, TUYỂN DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NSNN
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC Ở TW, ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2021 (Số CB,CC, VC có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận từ 01/7/2021 đến 31/12/2022)						Năm 2022 đến 2024 (Tính từ 01/01/2022 đến 30/6/2024)						Dự kiến năm 2025, 2026 (nếu có)					
		Tuyển dụng			Tiếp nhận			Tuyển dụng			Tiếp nhận			Tuyển dụng			Tiếp nhận		
		Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức	Tổng	Cán bộ, công chức	Viên chức
I	CƠ QUAN Ở TW																		
1	Cơ quan hành chính /tham mưu, giúp việc																		
1.1	Cơ quan A																		
1.2	Cơ quan B																		
...	...																		
2	Đơn vị sự nghiệp																		
2.1	Đơn vị A																		
2.2	Đơn vị B																		
...																			
II	ĐỊA PHƯƠNG																		
1	Khối Đảng, đoàn thể																		
1.1	Cấp tỉnh																		
-	Cơ quan A																		
-	Cơ quan B																		
...	...																		
1.2	Cấp huyện																		
-	Huyện ủy A																		
-	Huyện ủy B																		
...	...																		
2	Khối CQĐP	(Không phải thống kê số liệu năm 2021)																	
2.1	Cấp tỉnh																		
a)	HEND																		
b)	UBND																		
-	Sở A																		
-	Sở B																		
...	...																		
2.2	Cấp huyện																		
a)	Huyện A																		
-	HEND																		
-	UBND																		
b)	Huyện B																		
-	HEND																		
-	UBND																		
...	...																		

Lưu ý: Cơ quan ở Trung ương tổng hợp theo Mục I. Các địa phương tổng hợp theo Mục II

**PHỤ LỤC 4: TÌNH HÌNH BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CHƯA ĐÚNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM Ở CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐỊA PHƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2024**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Cơ quan, tổ chức hành chính /tham mưu, giúp việc		Đơn vị sự nghiệp		Ghi chú
		Biên chế công chức được giao của cơ quan, tổ chức	Số viên chức bố trí tại VTVL công chức	Biên chế viên chức được giao của đơn vị	Số công chức bố trí tại VTVL viên chức	
I	CƠ QUAN Ở TW					
1	Cơ quan hành chính /tham mưu, giúp việc					
1.1	Cơ quan A					
1.2	Cơ quan B					
...	...					
2	Đơn vị sự nghiệp					
2.1	Đơn vị A					
2.2	Đơn vị B					
...	...					
II	ĐỊA PHƯƠNG					
1	Khối Đảng, đoàn thể					
1.1	Cấp tỉnh					
a)	Cơ quan hành chính/ tham mưu, giúp việc					
-	Cơ quan A					
-	Cơ quan B					
-	...					
b)	Đơn vị sự nghiệp					
-	Đơn vị A					
...	...					
1.2	Cấp huyện					
1.2.1	Huyện ủy A					
a)	Tổ chức hành chính /tham mưu, giúp việc					
-	Cơ quan A1					
-	Cơ quan A2					
b)	Đơn vị sự nghiệp					
	Đơn vị A3					
...	...					
1.2.2	Huyện ủy B					
...	...					
2	Khối CQĐP					
2.1	Cấp tỉnh					
2.1.1	Tổ chức hành chính /tham mưu, giúp việc					
a)	Sở A					
-	Tổ chức/đơn vị A1					
-	Tổ chức/ đơn vị A2					
...	...					
b)	Sở B					
...	...					
2.1.2	Đơn vị sự nghiệp					
2.2	Cấp huyện					
2.2.1	Tổ chức hành chính /tham mưu, giúp việc					
a)	Huyện A					
-	Tổ chức/đơn vị A1					
-	Tổ chức/ đơn vị A2					
-	...					
b)	Huyện B					
-	Tổ chức/đơn vị B1					
-	...					
2.2.2	Đơn vị sự nghiệp					

Lưu ý: Cơ quan ở Trung ương tổng hợp theo Mục I. Các địa phương tổng hợp theo Mục II (yêu cầu chi tiết đến tên cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CC, VC)

**PHỤ LỤC 6: BIÊN CHẾ HỘI QUẢN CHỨNG
ĐƯỢC ĐĂNG VÀ NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2024**

STT	Tên hội quản chúng	Số, ngày Quyết định thành lập	Biên chế năm 2024		
			Số giao	Số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2024	Số biên chế chưa sử dụng tại thời điểm 30/6/2024
	TỔNG				
1	Hội A				
2	Hội B				
..	...				

PHỤ LỤC 7: BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

STT	Tên đơn vị hành chính	Năm 2021		Năm 2024		Năm 2026
		Số biên chế tính theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP	Số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2021	Số biên chế tính theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP	Số biên chế có mặt tại thời điểm 30/6/2024	Số biên chế tính theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và lộ trình sắp xếp cấp xã đến hết năm 2026
	TỔNG					
1	Huyện A					
1.1	Xã A					
1.2	Xã B					
...	...					
2	Huyện B					
2.1	Xã A					
2.2	Xã B					
...	...					

PHỤ LỤC 8: BIÊN CHẾ CÔNG ĐOÀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

[illegible]

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

Số 6802 -CV/BTCTW

V/v góp ý dự thảo Quy chế làm việc mẫu
của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh

ĂN PHÒNG TỈNH ỦY

EN - Số: 503
- Ngày: 27.7
Chuyên: 2.8.1

Kính gửi: Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Thực hiện nhiệm vụ Ban Bí thư giao, Ban Tổ chức Trung ương đã phối hợp với các địa phương tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế làm việc của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay. Trên cơ sở đó, Ban Tổ chức Trung ương đã xây dựng Đề án và dự thảo Quy chế làm việc mẫu của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy chế làm việc mẫu trình Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương gửi xin ý kiến ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

Đây là nội dung quan trọng, đề nghị các đồng chí thảo luận kỹ lưỡng trong tập thể ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy và gửi ý kiến tham gia bằng văn bản về Ban Tổ chức Trung ương trước ngày 10/8/2024 để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Trưởng Ban,
- Lưu VP, Vụ TC-ĐL.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Dương

**QUY CHẾ LÀM VIỆC MẪU
CỦA ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG...**

(Kèm theo Quyết định số ...-QĐ/TW, ngày .../.../2024 của Ban Bí thư)

TỈNH ỦY
(ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG...)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày... tháng...năm 20...

*

Số ... - QC/TU hoặc Số ... -QC/ĐĐ (BCSD)

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẢNG ĐOÀN/BAN CÁN SỰ ĐẢNG...**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 146-QĐ/TW, ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh và các quy định, hướng dẫn của Trung ương có liên quan;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ cấp tỉnh khóa ..., nhiệm kỳ... và các quy định, hướng dẫn của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh có liên quan;
- Xét đề nghị đảng đoàn hội đồng nhân dân/ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh ban hành Quy chế làm việc của đảng đoàn hội đồng nhân dân/ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh như sau:
(Đảng đoàn/ban cán sự đảng... (tên cơ quan, tổ chức) ban hành Quy chế làm việc của đảng đoàn/ban cán sự đảng như sau:)

**Chương I
VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA ĐẢNG ĐOÀN/BAN CÁN SỰ ĐẢNG**

Điều 1. Vị trí, chức năng

Đảng đoàn/ban cán sự đảng ... *(tên cơ quan, tổ chức)* là tổ chức đảng do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh thành lập, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ

đạo... (*tên cơ quan, tổ chức*) theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Nhiệm vụ

a) Lãnh đạo, chỉ đạo... (*tên cơ quan, tổ chức*):

- Quán triệt, cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận (gọi tắt là chủ trương, quy định) của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp tỉnh, pháp luật của Nhà nước có liên quan thành các chương trình, kế hoạch thực hiện của cơ quan, tổ chức.

- Định hướng những nội dung, giải pháp, chủ trương trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của ... (*tên cơ quan, tổ chức*).

- Lãnh đạo, chỉ đạo.... (*tên cơ quan, tổ chức*) thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu trong chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hằng năm, các đề án, dự án quan trọng của cơ quan, tổ chức mà đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh được giao trình cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh. Định hướng nội dung chính trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đề án quan trọng mà cơ quan, tổ chức có trách nhiệm soạn thảo, ban hành.

- Lãnh đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, bộ máy và biên chế, công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo phân cấp quản lý.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh trong ngành, lĩnh vực được phân công. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

- Chủ động giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của thường trực cấp ủy cấp tỉnh theo quy định; trình ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh. Chủ động trình ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề lớn, các dự án quan trọng trên các lĩnh vực công tác, hoạt động của... (*tên cơ quan, tổ chức*), tuy chưa đến mức phải trình xin chủ trương của cấp ủy cấp tỉnh, trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, nhưng hệ trọng, nhạy cảm, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế, ảnh hưởng sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của đông đảo nhân dân, đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại của địa phương và những vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm

quyền quyết định của... (tên cơ quan, đơn vị) cần phải có ý kiến của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh và đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan trong sạch, vững mạnh.

c) Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại các văn bản của Đảng; thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh giao.

2. Quyền hạn

a) Thảo luận, ban hành nghị quyết, kết luận hoặc các văn bản khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh về những đề xuất và quyết định của mình.

b) Được sử dụng bộ máy giúp việc của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ.

c) Cử đại diện tham dự các cuộc họp có liên quan do ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh triệu tập.

d) Được yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin:

- Chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, chính sách, pháp luật của Nhà nước ban hành và các thông tin có liên quan.

- Báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ của đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh.

Việc cung cấp thông tin cho các thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh do bí thư (hoặc phó bí thư hoặc thành viên (nơi không có phó bí thư) được ủy quyền) xem xét, quyết định.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN

ĐẢNG ĐOÀN/BAN CÁN SỰ ĐẢNG

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên

1. Cùng với tập thể đảng đoàn/ban cán sự đảng tổ chức quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp

tinh, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của... (tên cơ quan, tổ chức).

2. Có trách nhiệm thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của đảng đoàn/ ban cán sự đảng; phụ trách và chịu trách nhiệm trước tập thể đảng đoàn/ ban cán sự đảng, trước bí thư đảng đoàn/ ban cán sự đảng về các lĩnh vực công tác được phân công, ủy quyền; chủ trì cuộc họp và ký các văn bản của đảng đoàn/ ban cán sự đảng khi được bí thư ủy quyền.

3. Đề xuất ý kiến để đưa ra thảo luận và quyết nghị trong đảng đoàn/ ban cán sự đảng; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của đảng đoàn/ ban cán sự đảng; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực được phân công.

4. gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của từng tổ chức. Giữ gìn sự thống nhất và đoàn kết trong Đảng; không nói, viết, làm trái chủ trương, quy định của Trung ương, của cấp trên và của đảng đoàn/ ban cán sự đảng. Nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm điểm trách nhiệm nêu gương theo quy định của Đảng. Tham gia đầy đủ các kỳ sinh hoạt và đóng góp ý kiến xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch; chấp hành sự phân công và tuân thủ nguyên tắc, chế độ làm việc của đảng đoàn/ ban cán sự đảng.

5. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của ngành, cơ quan, tổ chức, về tình hình trong nước và quốc tế để thực hiện nhiệm vụ; được mời dự họp, thảo luận, biểu quyết trong các cuộc họp của đảng đoàn, ban cán sự đảng.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của bí thư

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của thành viên đảng đoàn/ ban cán sự đảng.

2. Là người đứng đầu đảng đoàn/ ban cán sự đảng; chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và đảng đoàn/ ban cán sự đảng về hoạt động của đảng đoàn/ ban cán sự đảng và những công việc được phân công.

3. Trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của đảng đoàn/ ban cán sự đảng; phụ trách công tác tổ chức, cán bộ theo quy định phân cấp quản lý; phân công nhiệm vụ cho các thành viên đảng đoàn/ ban cán sự đảng.

4. Triệu tập, chủ trì, quyết định nội dung, chương trình và kết luận các cuộc họp của đảng đoàn/ ban cán sự đảng.

5. Thay mặt đảng đoàn/ban cán sự đảng trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản của đảng đoàn/ban cán sự đảng gửi cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh. Nếu vắng mặt thì ủy quyền cho phó bí thư hoặc một thành viên chủ trì cuộc họp, ký văn bản của đảng đoàn/ban cán sự đảng.

6. Sau mỗi hội nghị ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, bí thư đảng đoàn/ban cán sự đảng là ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh (hoặc được mời dự hội nghị ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh) có trách nhiệm truyền đạt nhanh những nội dung cơ bản của hội nghị đến cán bộ chủ chốt trong cơ quan; chỉ đạo thực hiện các nội dung trong nghị quyết liên quan đến cơ quan, tổ chức.

7. Chỉ đạo việc cung cấp thông tin cho các thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng theo quy định.

8. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo sự phân công của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn của phó bí thư

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng.

2. Giúp bí thư chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên của đảng đoàn/ban cán sự đảng; tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của đảng đoàn/ban cán sự đảng. Trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm về công việc và hoạt động của bộ phận giúp việc đảng đoàn/ban cán sự đảng.

3. Thay mặt bí thư giải quyết công việc khi bí thư vắng mặt; chủ trì cuộc họp và ký các văn bản của đảng đoàn/ban cán sự đảng khi được bí thư ủy quyền.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do đảng đoàn/ban cán sự đảng hoặc bí thư phân công, ủy quyền.

5. Chịu trách nhiệm trước đảng đoàn/ban cán sự đảng và bí thư về những công việc được phân công, ủy quyền.

Điều 6. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên là giám đốc sở nội vụ hoặc trưởng ban (phòng) có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ

Thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng là giám đốc sở nội vụ hoặc trưởng ban (phòng) có nhiệm vụ tham mưu công tác tổ chức, cán bộ, ngoài việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 3 Quy chế này, còn thực hiện trách nhiệm, quyền hạn sau:

1. Đề xuất, chuẩn bị và trình đảng đoàn/ban cán sự đảng về tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự, chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện đảng đoàn/ban cán sự đảng xem xét, quyết định.

2. Dự họp và báo cáo với cấp có thẩm quyền về vấn đề tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự, chế độ, chính sách đối với cán bộ theo sự phân công của đảng đoàn/ban cán sự đảng.

Chương III

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 7. Nguyên tắc làm việc

1. Đảng đoàn/ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp trên và nghị quyết của đảng đoàn/ban cán sự đảng. Đối với những nội dung công tác quan trọng, vượt thẩm quyền phải xin ý kiến ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh. Khi các thành viên của đảng đoàn, ban cán sự đảng có ý kiến khác nhau, qua thảo luận không thống nhất (*biểu quyết không đạt đa số quá bán*) thì báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau đó với ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

2. Các thành viên được quyền phát biểu, bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên nhưng phải chấp hành nghị quyết của đảng đoàn/ban cán sự đảng, không được tuyên truyền, phổ biến ý kiến bảo lưu ra bên ngoài.

3. Quan hệ phối hợp công tác giữa đảng đoàn/ban cán sự đảng với các cơ quan, tổ chức liên quan phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phù hợp với nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức. Bảo đảm kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 8. Chế độ làm việc

1. Đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh họp định kỳ 01 tháng một lần, họp chuyên đề và đột xuất khi cần; các cuộc họp đảng đoàn/ban cán sự đảng chỉ được thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các tài liệu phục vụ cuộc họp được gửi đến các thành viên trước cuộc họp 07 ngày làm việc (trừ trường hợp họp đột xuất). Nội dung cuộc họp phải được ghi biên bản, được

văn bản hóa thành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, kết luận, thông báo... để tổ chức thực hiện (các nội dung thảo luận có kết quả biểu quyết đạt trên 50% thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng tán thành thì được đưa vào nghị quyết). Trường hợp cần thiết và đột xuất, vì lý do khách quan không tổ chức họp thì lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời của thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng thì bộ phận giúp việc đảng đoàn/ban cán sự đảng phải tổng hợp ý kiến, báo cáo đồng chí bí thư ban hành thông báo kết luận.

2. Người đứng đầu và các thành viên của đảng đoàn/ban cán sự đảng được phân công phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị nội dung về những vấn đề có liên quan để đưa ra thảo luận trong cuộc họp đảng đoàn/ban cán sự đảng; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghiêm và có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và đảng đoàn/ban cán sự đảng về các mặt công tác thuộc lĩnh vực được phân công.

3. Đảng đoàn/ban cán sự đảng căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự. Đối với cuộc họp có nội dung về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ thì phải mời đại diện các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh có liên quan dự, giám sát theo chức năng.

4. Bí thư đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh điều hành công việc chung, chủ trì các cuộc họp, trực tiếp báo cáo, ký các văn bản của đảng đoàn, ban cán sự đảng gửi cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh.

5. Phó bí thư hoặc một thành viên được ủy quyền giải quyết công việc thường xuyên, trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm về công việc và hoạt động của bộ phận giúp việc đảng đoàn/ban cán sự đảng.

6. Đối với các cuộc họp mà thành viên không tham dự hoặc những nội dung lấy ý kiến bằng văn bản thì đảng đoàn/ban cán sự đảng có trách nhiệm thông báo kết quả cuộc họp để các thành viên theo dõi, thực hiện.

7. Biên bản, băng ghi âm, các tài liệu lưu hành trong hội nghị được lưu giữ và bảo quản tại bộ phận giúp việc của đảng đoàn/ban cán sự đảng theo quy định bảo vệ bí mật nhà nước. Việc tham khảo nội dung biên bản, nội dung băng ghi âm, thông báo kết luận phải được bí thư đảng đoàn/ban cán sự đảng đồng ý. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, đảng đoàn/ban cán sự đảng phải ban hành nghị quyết hoặc thông báo kết luận phiên họp đảng đoàn/ban cán sự đảng.

8. Căn cứ vào nghị quyết, kết luận của đảng đoàn/ban cán sự đảng, các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện qua bộ phận giúp việc của đảng đoàn/ban cán sự đảng để tổng hợp. Bộ phận giúp việc của đảng đoàn/ban cán sự đảng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để theo dõi, đôn đốc thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quy định tại khoản 2, Điều 7, Quy định số 146-QĐ/TW, ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư và các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này.

9. Thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng, đại biểu được mời dự họp phải thực hiện nghiêm chế độ bảo mật về nội dung, tài liệu và kỷ luật phát ngôn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

10. Hằng năm, cuối nhiệm kỳ và khi cần thiết, đảng đoàn/ban cán sự đảng tổ chức hội nghị để tự phê bình và phê bình; từng thành viên gương mẫu tự phê bình và phê bình theo phạm vi, chức trách nhiệm vụ được phân công theo quy định.

11. Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, đảng đoàn/ban cán sự đảng báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh và nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của đảng đoàn/ban cán sự đảng.

Chương IV **QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 9. Với cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh

Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy cấp tỉnh; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh. Tham mưu, đề xuất những chủ trương, giải pháp quan trọng liên quan đến ngành, lĩnh vực được phân công. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hoặc khi có yêu cầu về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng đoàn/ban cán sự đảng.

Điều 10. Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh

1. Đảng đoàn/ ban cán sự đảng cấp tỉnh chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh trong triển khai thực hiện chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường

vụ cấp ủy cấp tỉnh, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ của ngành, cơ quan, tổ chức.

2. Phối hợp tham mưu, đề xuất với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị trên lĩnh vực được phân công và công tác tổ chức, cán bộ theo quy định phân cấp quản lý.

3. Kịp thời gửi báo cáo và các văn bản có liên quan về các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp tỉnh.

Điều 11. Với các đảng ủy khối cấp tỉnh

1. Phối hợp với các đảng ủy khối cấp tỉnh trong công tác xây dựng Đảng theo phân công, phân cấp; định kỳ hằng năm hoặc khi cần thì đảng đoàn/ban cán sự đảng trao đổi ý kiến, phối hợp công tác với ban thường vụ đảng ủy khối.

2. Phối hợp thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo quy định đối với đảng viên diện ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý.

3. Phối hợp tham gia ý kiến với đảng ủy khối (có liên quan) đối với nhân sự cấp ủy của đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan.

Điều 12. Với đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan

1. Phối hợp với đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan trong việc triển khai quán triệt và thực hiện chủ trương, quy định của Đảng và của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, lãnh đạo bảo đảm thực hiện các nghị quyết, quyết định của đảng đoàn/ban cán sự đảng liên quan đến nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức; cải tiến lề lối, tác phong làm việc, thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể và xây dựng đảng bộ (hoặc chi bộ) cơ quan trong sạch, vững mạnh.

2. Phối hợp và trao đổi ý kiến bằng văn bản với đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan trong việc lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức theo phân cấp quản lý, theo chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Kịp thời thông báo với đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan những chủ trương, nghị quyết của đảng đoàn/ban cán sự đảng liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan để đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan góp ý kiến, phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

4. Phối hợp với đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan để lãnh đạo nhiệm vụ kiểm tra theo các quy định của Đảng.

5. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi cần thì đảng đoàn/ban cán sự đảng nghe đại diện đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan thông báo về tình hình thực hiện nhiệm vụ, chế độ, chính sách và kiến nghị, đề xuất của đảng viên, quần chúng trong cơ quan để có phương hướng, biện pháp phối hợp giải quyết.

6. Đảng đoàn/ban cán sự đảng mời đại diện đảng ủy (hoặc chi bộ) cơ quan tham dự các cuộc họp có liên quan.

Điều 13. Với tập thể lãnh đạo và người đứng đầu... (tên cơ quan, tổ chức)

1. Đảng đoàn/ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo... (tên cơ quan, tổ chức) thực hiện nhiệm vụ chính trị theo đúng chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp quản lý.

2. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu... (tên cơ quan, tổ chức) căn cứ nghị quyết, kết luận của đảng đoàn/ban cán sự đảng để ban hành văn bản cụ thể hóa; đồng thời, triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật (hoặc điều lệ của mỗi tổ chức). Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề nảy sinh, người đứng đầu đề nghị đảng đoàn/ban cán sự đảng xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Những vấn đề lớn, nhạy cảm, phức tạp giữa đảng đoàn/ban cán sự đảng và người đứng đầu chưa có sự thống nhất thì đảng đoàn/ban cán sự đảng báo cáo xin ý kiến của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

3. Đảng đoàn/ban cán sự đảng tạo điều kiện để tập thể lãnh đạo và người đứng đầu... (tên cơ quan, tổ chức) thực hiện kịp thời, chặt chẽ, có hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao theo quy định.

Điều 14. Với các đảng đoàn/ ban cán sự đảng, đảng ủy quân sự, đảng ủy bộ đội biên phòng, đảng ủy công an, ban thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với các đảng đoàn/ ban cán sự đảng cấp tỉnh, đảng ủy quân sự, đảng ủy biên phòng, đảng ủy công an, ban thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp tỉnh theo các quy định của Đảng để thực hiện các nhiệm vụ được giao dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

Điều 15. Với các quận ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh

1. Phối hợp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị, chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh ở các cơ quan, tổ chức thuộc trách nhiệm quản lý hoặc liên quan đến hoạt động của ngành, lĩnh vực hoạt động trên địa bàn.

2. Phối hợp đầy đủ, kịp thời trong công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên theo quy định phân cấp quản lý.

3. Phối hợp nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để đề xuất những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

4. Xem xét, thống nhất về quan điểm, đường lối giải quyết vụ việc lớn, phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ... (*tên cơ quan, tổ chức*), có ảnh hưởng rộng trong địa bàn tỉnh/thành phố, bảo đảm đúng chủ trương, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Khi cần, đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh trao đổi với cấp ủy địa phương về nhiệm vụ của (*tên cơ quan, tổ chức*) và phối hợp cùng với cấp ủy địa phương giải quyết các vấn đề có liên quan; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 16. Các mối quan hệ khác

Đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh có trách nhiệm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác khác để nghiên cứu, bổ sung mối quan hệ công tác phù hợp với tình hình của... (*tên cơ quan, tổ chức*), bảo đảm thực hiện các quy định có liên quan.

Đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh căn cứ yêu cầu thực tiễn có thể xây dựng Quy chế phối hợp công tác với các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Các thành viên đảng đoàn/ban cán sự đảng, bộ phận giúp việc đảng đoàn/ban cán sự đảng cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì đảng đoàn/ban cán sự đảng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình ban thường vụ cấp ủy cấp

tỉnh xem xét, quyết định theo quy định (đối với Quy chế làm việc của đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Cuối nhiệm kỳ tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế làm việc số ... - QC/TU, ngày ... của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh hoặc Quy chế làm việc số ... -QC/ĐĐ (BCSĐ), ngày ... của đảng đoàn/ban cán sự đảng... (tên cơ quan, đơn vị).

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh (để báo cáo),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp tỉnh,
- Các cấp ủy trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh,
- Đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội,
- Thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Đảng ủy (chi bộ) cơ quan, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu Bộ phận giúp việc đảng đoàn, ban cán sự đảng.

**T/M ĐẢNG ĐOÀN,
BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ**

TỈNH ỦY HƯNG YÊN
ĐẢNG ĐOÀN LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 33 -CV/ĐĐ

Về việc xin ý kiến nhận xét, đánh giá
và kết luận tiêu chuẩn chính trị

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2024

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY	
ĐẾN	- Số: 3960
	- Ngày: 26/7
	- Chuyển: 10m

Kính gửi: - Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hưng Yên.

- G. Ph. 24
- G. Th. 26/7
- G. P. 26/7

Căn cứ Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”;

Căn cứ Quy định số 761-QĐ/TU ngày 10/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên; Quy định số 838-QĐ/TU ngày 22/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về việc thẩm định; thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 141-CV/ĐĐTLD ngày 12/7/2024 của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc giới thiệu nhân sự quy hoạch cán bộ, lãnh đạo, quản lý của Tổng Liên đoàn,

Để hoàn thiện hồ sơ phục vụ công tác quy hoạch, Đảng đoàn kính đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hưng Yên xem xét cho ý kiến đối với 02 đồng chí: Hoàng Xuân Hào - Phó Chủ tịch Thường trực LĐLĐ tỉnh Hưng Yên, Chu Ngọc Hoa Liễu - Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hưng Yên quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam nhiệm kỳ 2028 – 2033 về nội dung:

1. Nhận xét, đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

2. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị theo Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về “Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”.

Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo và kính đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hưng Yên quan tâm cho ý kiến.

(Gửi kèm Công văn số 141-CV/ĐĐTLD ngày 12/7/2024 của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh,
- Lưu: VPĐĐ.



Lê Quang Toàn

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG ĐOÀN TỔNG LIÊN ĐOÀN
LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

Số 141-CV/ĐĐTLD

*V/v giới thiệu nhân sự quy hoạch cán bộ,
lãnh đạo, quản lý của Tổng Liên đoàn*

LIÊN ĐOÀN LĐ TỈNH HUNG YÊN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2177.....
Ngày 12.7.2024

Kính gửi: Liên đoàn Lao động tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; Đảng đoàn Tổng Liên đoàn thống nhất giới thiệu các đồng chí có tên sau quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhiệm kỳ 2028 - 2033, gồm:

T T	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
1	Hoàng Xuân Hào	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Hưng Yên
2	Chu Ngọc Hoa Liễu	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Hưng Yên

Để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quy hoạch, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh Hưng Yên xem xét, cho ý kiến bằng văn bản về dự kiến trên đối với các đồng chí có tên trên. Đồng thời, chỉ đạo cá nhân, đơn vị có liên quan theo trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ phục vụ công tác quy hoạch. Hồ sơ gồm:

- Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành (2C/TW-98) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
- Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
- Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành.

5. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bản, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Lưu ý: Các hồ sơ tại Mục 1,2,3,4 được kê khai, xác nhận trong thời hạn 05 tháng tính đến thời điểm Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn nhận hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị gửi về Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (qua Văn phòng Đảng đoàn) trước ngày 01/8/2024, để báo cáo Đảng đoàn phê duyệt theo thẩm quyền.

Thông tin liên hệ: Đ/c Phí Thu Hương, Phó Chánh Văn phòng Đảng đoàn, điện thoại/zalo: 0984290019./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Các Thành viên Đảng đoàn (b/c);
- Lưu Văn phòng Đảng đoàn TLD.

